

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02-2024-NM/Công ty TNHH Nam Phương V.N/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH NAM PHƯƠNG V.N

Địa chỉ: 124 Lê Lai, phường 3, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (+84 28) 37963804 Fax: (+84 28) 37963805

E-mail: namphuongfood@vnn.vn

Mã số doanh nghiệp: 0303205976

Số Giấy chứng nhận cơ sở đạt chứng nhận FSSC 22000: FSSC 682449.

Ngày cấp chứng nhận ban đầu: 17/04/2018.

Nơi cấp: Tổ chức chứng nhận của Viện Tiêu Chuẩn Anh-BSI.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **NƯỚC MẮM BARONA ĐẠI NHẤT**

2. Thành phần:

Thành phần chính (90%): Nước mắm cá cơm Phan Thiết (cá, muối) (50%), nước, muối.

Thành phần phụ (10%): Chất điều vị (621, 640, 639, 627, 631), chất điều chỉnh độ acid (331(iii), 296), protein đậu nành thủy phân, hương liệu tổng hợp (hương nước mắm, hương cá hồi), chất bảo quản (211, 202), chất tạo ngọt tổng hợp (acesulfam kali, aspartam), chất ổn định (415), màu tổng hợp (caramen nguyên chất), chiết xuất từ quả dành dành.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Sản phẩm được chứa đựng trong chai thủy tinh hoặc chai/can PET (phù hợp với bao bì dùng để bao gói thực phẩm) với các thể tích thực: 200 ml, 500 ml, 700 ml, 750 ml, 900ml, hoặc theo nhu cầu kinh doanh của công ty.

Sau khi đóng chai, sản phẩm được đóng thùng carton với số lượng 06 chai/thùng, 12 chai/thùng, 18 chai/thùng, 24 chai/thùng, 36 chai/thùng hoặc theo nhu cầu kinh doanh của công ty.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất và đóng chai tại: CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM BAO BÌ THANH THỦY

Địa chỉ: Số 6, đường số 10, KCN Việt Nam-Singapore, phường An Phú, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đạt chứng nhận FSSC 22000: FSSC 688402. Ngày cấp chứng nhận ban đầu: 02/03/2019. Nơi cấp: Tổ chức chứng nhận của Viện Tiêu Chuẩn Anh-BSI



Phân phối bởi: CÔNG TY TNHH INTERNATIONAL FOOD MASTER

Địa chỉ: Lô C2-3, đường D2, KCN Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Mẫu nhãn sản phẩm đính kèm).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Chỉ tiêu vi sinh:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	10^4
2	Coliforms	CFU/ml	10^2
3	<i>E.coli</i>	CFU/ml	Không có
4	<i>S.aureus</i>	CFU/ml	3
5	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/ml	10
6	<i>Salmonella</i>	/25ml	Không có
7	<i>V.Parahaemolyticus</i>	CFU/ml	10

- Chỉ tiêu kim loại nặng Theo QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (Nhóm nước chấm)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Arsen (As) (vô cơ)	ppm	1,00
2	Cadimi (Cd)	ppm	1,00
3	Chì (Pb)	ppm	2,00
4	Thủy ngân (Hg)	ppm	0,05

- Chỉ tiêu hóa lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn
1	Hàm lượng Nitơ toàn phần, không nhỏ hơn	g/l	12,0
2	Hàm lượng nitơ axit amin, so với nitơ toàn phần, không nhỏ hơn	%	40,0
3	Hàm lượng nitơ amoniac, so với hàm lượng nitơ toàn phần, không lớn hơn	%	30
4	Độ pH		4,5 – 6,5
5	Hàm lượng muối natri clorua, trong khoảng	g/l	200,0 – 240,0

- Thành phần dinh dưỡng

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn
1	Năng lượng, trong khoảng	Kcal/100 ml	30,0 – 50,0
2	Hàm lượng chất béo, trong khoảng	g/100 ml	0 – 0,5
3	Hàm lượng carbohydrat, trong khoảng	g/100 ml	0 – 3
4	Hàm lượng chất đạm, trong khoảng	g/100 ml	7,5 – 9,4
5	Hàm lượng đường tổng số, trong khoảng	g/100 ml	0 – 0,5
6	Hàm lượng chất béo bão hòa, trong khoảng	g/100 ml	0 – 0,1
7	Hàm lượng Natri, trong khoảng	mg/100 ml	6600,0 – 11000,0

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP: Về nhãn hàng hóa.
- Nghị định 111/2021/NĐ-CP: Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.
- Thông tư 29/2023/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- Thông Tư số 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC KHỐI NHÀ MÁY



ĐẶNG THỊ MỸ CẨM

Mẫu nhãn sản phẩm

NƯỚC MẮM



ĐẠI NHẤT

- ☒ Đậm đà vị cá cơm Phan Thiết
- ☒ Chấm thơm ngon, Nêm búng vị
- ☒ An toàn hơn với công nghệ thanh trùng

Thể tích thực
900 ml



Nước mắm Barona ĐẠI NHẤT

MỚI!
THƯƠNG HIỆU
TỰỆT ĐÌNH



Thành phần chính (90%): Nước mắm cá cơm Phan Thiết (cá, muối) (50%), nước muối.
Thành phần phụ (10%): Chất điều vị (621, 640, 638, 627, 631), chất điều chỉnh độ acid (331 (iii), 296), protein đậu nành thủy phân, hương liệu tổng hợp (hương nước mắm, hương cá hồi), chất bảo quản (211, 202), chất tạo ngọt tổng hợp (acesulfam kali, aspartam), chất ổn định (415), màu chiết xuất từ quả dành dành.
Lưu ý đối với những người có khả năng mẫn cảm và dị ứng với các thành phần trên.

Chỉ tiêu chất lượng: Hàm lượng nitơ toàn phần (độ đậm tổng số) ≥ 12 g/l. Hàm lượng nitơ axit amin (đạm axit amin), so với nitơ toàn phần ≥ 40 %.
Hương dẫn sử dụng: Dùng để nêm, chấm, pha, ướp các món ăn.
Hương dẫn bao quản: Dậy kín nắp, bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
Thông tin cảnh báo: Hiện tượng kết tinh muối và sẫm màu theo thời gian là hiện tượng tự nhiên. Không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.
NSX & HSD: Xem trên thân chai.

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 ml	
Năng lượng	Carbohydrat
40 kcal	1,5 g
⚡	
Natri	Chất đạm
8800 mg	8,45 g



Sản phẩm của Công ty TNHH Nam Phương VN
124 Lê Lợi P.3, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
E: namphuongfood.vn W: namphuongfood.vn
Phân phối bởi Công ty TNHH International Food Master
Số 5, Đường số 10, KCN Việt Nam - Singapore,
Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình
Dương, Việt Nam.
Huyện Quỳnh Lưu, Hà Tĩnh, Việt Nam.

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO DO NGƯỜI TIỂU DUNG BÌNH CHỌN

GIÁM ĐỐC
KHÁCH NHÀ MÁY



Đặng Xuân Mỹ Cẩm

ISO 22000, ISO 9001, ISO 14001, ISO 45001



Sản xuất tại Việt Nam

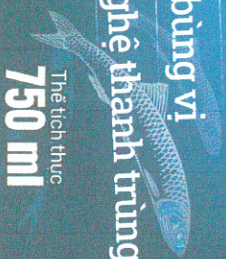
Mẫu nhãn sản phẩm

NƯỚC MẮM



ĐẠI NHẤT

- ☑ Đậm đà vị cá cơm Phan Thiết
- ☑ Chấm thơm ngon, Nêm búng vị
- ☑ An toàn hơn với công nghệ thanh trùng



Thể tích thực
750 ml

Nước mắm Barona ĐẠI NHẤT



Thành phần chính (90%): Nước mắm cá cơm Phan Thiết (cá, muối) (50%), nước, muối.

Thành phần phụ (10%): Chất điều vị (621, 640, 639, 627, 631), chất điều chỉnh độ acid (331(ii), 296), protein đậu nành thủy phân, hương liệu tổng hợp (hương nước mắm, hương cá hồi), chất bảo quản (211, 202), chất tạo ngọt tổng hợp (acesulfam kali, aspartam), chất ổn định (415), màu tổng hợp (caramen tự nhiên), chiết xuất quả dứa nhân danh.

Lưu ý đối với những người có khả năng miễn cảm và dị ứng với các thành phần trên.

Chỉ tiêu chất lượng: Hàm lượng nito toàn phần (tổng đạm tổng số) ≥ 12 g/L. Hàm lượng nito axit amin (đạm axit amin), so với nito toàn phần $\geq 40\%$.

Hương dẫn sử dụng: Dùng để nêm, chấm, pha ướp các món ăn, bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo: Hiện tượng kết tinh muối và sẫm màu theo thời gian là hiện tượng tự nhiên, không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

NSX & HSD: Xem trên nhãn chai.

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 ml

Năng lượng		Carbohydrat	
40 kcal		1,5 g	
Natri		Chất đạm	
8800 mg		8,45 g	



Sản xuất tại Việt Nam

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO DO NGƯỜI TIÊU DÙNG BÌNH CHỌN



Đặng Thị Mỹ Cẩm

ISO 22000, ISO 9001, ISO 14001, ISO 45001

Sản phẩm của Công ty TNHH Nam Phương VN
124 Lê Lợi, P.3 Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
E: namphuongfood.vn
Phân phối bởi Công ty TNHH International Food Master
Lô 23, đường 02, KCN Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung,
Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.



Mẫu nhãn sản phẩm

NƯỚC MẮM



ĐẠI NHẤT

- ☒ Đậm đà vị cá cơm Phan Thiết
- ☒ Chấm thơm ngon, Nêm búng vị
- ☒ An toàn hơn với công nghệ thanh trùng

Thể tích thực
500 ml



Nước mắm Barona ĐẠI NHẤT

Mới!
THƠM NGON
TUYỆT ĐỈNH



Thành phần chính (90%): Nước mắm cá cơm Phan Thiết (cá, muối) (50%), nước muối.
Thành phần phụ (10%): Chất điều vị (621, 640, 638, 627, 631), chất điều chỉnh độ acid (331(iii), 296), protein đậu nành thủy phân, hương liệu tổng hợp (hương nước mắm, hương cá hồi), chất bảo quản (211, 202), chất tạo ngọt tổng hợp (acesulfam kali, aspartam), chất ổn định (415), màu tổng hợp (caramen, nguyên chất), chiết xuất từ quả chanh dành.

Lưu ý đối với những người có khả năng miễn cảm và dị ứng với các thành phần trên.

Chỉ tiêu chất lượng: Hàm lượng nito toàn phần (độ đậm tổng số) ≥ 12 g/l. Hàm lượng nito axit amin (đạm axit amin), so với nito toàn phần $\geq 40\%$.
Hương dẫn sử dụng: Dùng để nêm, chấm, pha, ướp các món ăn.
Hương dẫn bao quản: Dùng để nêm, bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo: Hiện tượng kết tinh muối và sản phẩm màu theo thời gian là hiện tượng tự nhiên, không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

NSX & HSD: Xem trên thân chai.

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 ml	
Năng lượng	Carbohydrat
40 kcal	1,5 g
4	
Natri	Chất đạm
8800 mg	8,45 g



Sản xuất tại Việt Nam

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO DO NGƯỜI TIÊU DÙNG BÌNH CHỌN

ISO 22000, ISO 9001, ISO 14001, ISO 45001



Sản phẩm của Công ty TNHH Nam Phương VN
72A Lê Lai, P.3, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
E: namphuongfood.vn
Phân phối bởi Công ty TNHH International Food Master
Số 6, Đường số 10, KCN Việt Nam - Singapore.
Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.



Mẫu nhãn sản phẩm

NƯỚC MẮM



ĐẠI NHẤT

- ☒ Dậm đà vị cá cơm Phan Thiết
- ☒ Chấm thơm ngon, Nêm bưng vị
- ☒ An toàn hơn với công nghệ thanh trùng

Thể tích thực
200 ml

GIẢM ĐỘC



Nước mắm Barona ĐẠI NHẤT

MỚI!
THAM NGON
TUYỆT ĐỈNH

Thành phần chính (90%): Nước mắm cá cơm Phan Thiết (cá, muối) (50%), nước, muối.

Thành phần phụ (10%): Chất điều vị (621, 640, 639, 627, 653), chất điều chỉnh độ acid (331(iii), 296), protein đậu nành thủy phân, hương liệu tổng hợp (hương nước mắm, hương cá hồi), chất bảo quản (211, 202), chất tạo ngọt tổng hợp (acesulfam kali, aspartam), chất ổn định (415), màu tổng hợp (caranien, nguyên chất), chiết xuất từ quả chanh đắng.

Lưu ý: dôi với những người cơ thể nhạy cảm và dị ứng với các thành phần trên.

Chỉ tiêu chất lượng: Hàm lượng nito toàn phần (độ đậm tổng số) ≥ 12 g/l. Hàm lượng nito axit amin (đạm axit amin), so với nito toàn phần ≥ 40 %.

Hương dẫn sử dụng: Dùng để nêm, chấm, pha, ướp các món ăn.

Hương dẫn bao quản: Dậy kín nắp, bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo: Hiện tượng kết tinh muối và sẫm màu theo thời gian là hiện tượng tự nhiên, không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

NSX & HSD: Xem trên thân chai.

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 ml	
Năng lượng	Carbonhydrat
40 kcal	1,5 g
4	
Natri	Chất đạm
8800 mg	8,45 g



Sản xuất tại Việt Nam



Barona.vn
1900 558856
namphuongfood.vn

Sản phẩm của Công ty TNHH Nam Phương VN
124 Lê Lai, P.3, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
E: namphuongfood@n.vn W: namphuongfood.vn
Phân phối độc quyền: NHT International Food Master
Số 6 Đường số 10 KCN Việt Nam - Singapore,
Phường An Phú, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình
Dương, Việt Nam.
Huyền Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO DO NGƯỜI TIÊU DÙNG BÌNH CHỌN **CHỌN NHÀ MÀY** ISO 22000, ISO 9001, ISO 14001, ISO 45001



Ông: Mỹ Tâm



Report N°: 0000468371

Page N° 1/4

Ho Chi Minh City, Date: March 21, 2024
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 21/03/2024

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2403A-1556
Đơn hàng: 2403A-1556

CLIENT'S NAME : NAM PHUONG V.N CO., LTD
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH NAM PHƯƠNG V.N

CLIENT'S ADDRESS : 124 LE LAI STREET, WARD 3, GO VAP DISTRICT, HO CHI MINH CITY, VIETNAM
Địa chỉ : 124 LÊ LAI, PHƯỜNG 3, QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : Nước mắm Barona Đại Nhất
Chú thích của khách hàng

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Fish sauce (approx. gr. wt. 1.864kg) in 02 plastic containers
Mô tả mẫu : Nước mắm (khoảng 1.864kg bao gồm bao bì) chứa trong 02 vật chứa bằng nhựa

Sample ID : 2403A-1556.002
Mã số mẫu

Date sample(s) received : March 13, 2024
Ngày nhận mẫu : 13/03/2024

Testing period : March 13, 2024 - March 20, 2024
Thời gian thử nghiệm : 13/03/2024 - 20/03/2024

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn





Report N°: 0000468371

Page N° 2/4

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Crude protein Đạm thô	TCVN 3705:1990	8.13	0.6	2	g/100mL	N x 6.25
2. Available carbohydrate Carbohydrat hữu hiệu	AOAC 2020.07	0.20	0.05	0.15	g/100mL	
3. Energy - Viet Nam (VN) market Năng lượng - Thị trường Việt Nam	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003)	33	-	-	kcal/100mL	
4. Total sugars (as sucrose) Đường tổng (quy về sucroza)	LFOD-TST-SOP-8126 (Luff-Schoorl method)	Not Detected Không phát hiện	0.15	0.5	g/100mL	
5. Total fat (sum of fatty acids, expressed as triglycerides) Béo tổng (tổng của các axit béo, quy về triglycerides)	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	0.0167	0.0001	0.0003	g/100mL	
6. Saturated fatty acids (SFA) Hàm lượng axit béo bão hòa (SFA)	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	0.0005	0.0001	0.0003	g/100mL	
7. Sodium (Na) Natri	AOAC 2011.14	8847	-	1	mg/100mL	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOAC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOAC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- (VN) Carbohydrate (available) factor: 4 kcal/g, Fat factor: 9 kcal/g, Protein factor: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Source: FAO - Food and Nutrition paper 77 (2003)).
(VN) Hệ số của carbohydrate (hữu hiệu): 4 kcal/g, hệ số của chất béo: 9 kcal/g, hệ số của chất đạm: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Nguồn: FAO - Thực phẩm và Dinh dưỡng số 77 (2003)).
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,

Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/terms-and-conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000468371

Page N° 3/4

LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ; except for metal analytes that are reported as Not Detected. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả được thể hiện là Không phát hiện. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



SGS

Report N°: 0000468371

Page N° 4/4

PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

Signed for and on behalf of

SGS Vietnam LTD

Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam



Phí Lê Kim Khôi

Trưởng Phòng Vi Sinh Và Sinh Học Phân Tử

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000468384

Page N° 1/4

Ho Chi Minh City, Date: March 21, 2024
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 21/03/2024

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2403A-1556
Đơn hàng: 2403A-1556

CLIENT'S NAME : NAM PHUONG V.N CO., LTD
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH NAM PHƯƠNG V.N

CLIENT'S ADDRESS : 124 LE LAI STREET, WARD 3, GO VAP DISTRICT, HO CHI MINH CITY, VIETNAM
Địa chỉ : 124 LÊ LAI, PHƯỜNG 3, QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : Nước mắm Barona Đại Nhất
Chú thích của khách hàng :

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Fish sauce (approx. gr. wt. 1.864kg) in 02 plastic containers
Mô tả mẫu : Nước mắm (khoảng 1.864kg bao gồm bao bì) chứa trong 02 vật chứa bằng nhựa

Sample ID : 2403A-1556.002
Mã số mẫu :

Date sample(s) received : March 13, 2024
Ngày nhận mẫu : 13/03/2024

Testing period : March 13, 2024 - March 20, 2024
Thời gian thử nghiệm : 13/03/2024 - 20/03/2024

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0000468384

Page N° 2/4

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Total nitrogen Hàm lượng nitơ tổng	TCVN 3705:1990	13.00	1	3.2	g/L	
2. Ammonia nitrogen (as N) Hàm lượng nitơ amoniac	TCVN 3706:1990	1.10	0.02	0.06	g/L	
3. Ammonia nitrogen of total nitrogen Nitơ amoniac so với nitơ tổng	LFOD-TST-SOP-8345 (*)	8.46	-	-	%	
4. Amino Acid Nitrogen Hàm lượng nitơ axit amin	LFOD-TST-SOP-8345	10.32	0.2	0.6	g/L	
5. Amino acid nitrogen of total nitrogen Nitơ axit amin so với nitơ tổng	LFOD-TST-SOP-8345 (*)	79.38	-	-	%	
6. Acidity (as acetic acid) Độ axit (quy về axit axetic)	TCVN 3702:2009	0.44	0.004	0.015	g/100mL	
7. pH value Giá trị pH	AOAC 981.12	4.88	-	-	-	
8. Sodium chloride NaCl (calculated from chloride) Natri clorua (tính từ clorua)	AOAC 937.09	20.24	0.1	0.35	g/100mL	
9. Inorganic Arsenic Asen vô cơ	IMEP-41 (2014)	Not Detected Không phát hiện	-	0.05	mg/L	
10. Cadmium (Cd) Cadimi	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	-	0.01	mg/L	
11. Lead (Pb) Chì	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	-	0.01	mg/L	
12. Mercury (Hg) Thủy ngân	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	-	0.01	mg/L	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOAC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOAC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0000468384

Page N° 3/4

- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.

Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.

- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.

LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ; except for metal analytes that are reported as Not Detected. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả được thể hiện là Không phát hiện. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,

Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000468384

Page N° 4/4

PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam



Phí Lê Kim Khôi
Trưởng Phòng Vi Sinh Và Sinh Học Phân Tử

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000468357

Page N° 1/4

Ho Chi Minh City, Date: March 21, 2024
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 21/03/2024

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2403A-1556
Đơn hàng: 2403A-1556

CLIENT'S NAME : NAM PHUONG V.N CO., LTD
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH NAM PHƯƠNG V.N

CLIENT'S ADDRESS : 124 LE LAI STREET, WARD 3, GO VAP DISTRICT, HO CHI MINH CITY, VIETNAM
Địa chỉ : 124 LÊ LAI, PHƯỜNG 3, QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : Nước mắm Barona Đại Nhất
Chú thích của khách hàng :

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Fish sauce (approx. gr. wt. 0.883kg) in the plastic container
Mô tả mẫu : Nước mắm (khoảng 0.883kg bao gồm bao bì) chứa trong vật chứa bằng nhựa

Sample ID : 2403A-1556.003
Mã số mẫu :

Date sample(s) received : March 13, 2024
Ngày nhận mẫu : 13/03/2024

Testing period : March 13, 2024 - March 20, 2024
Thời gian thử nghiệm : 13/03/2024 - 20/03/2024

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
extent of the law.



Report N°: 0000468357

Page N° 2/4

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Total Plate Count (Mesophilic aerobic microorganism) <i>Tổng số vi sinh vật hiếu khí</i>	ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022	<1	-	1	cfu/mL	
2. Total Coliforms <i>Coliform tổng</i>	ISO 4832:2006	<1	-	1	cfu/mL	
3. Clostridium perfringens <i>Clostridium perfringens</i>	US FDA BAM Chapter 16	<1	-	1	cfu/mL	
4. E. coli <i>E. coli</i>	ISO 16649-3:2015	0	-	-	MPN/mL	
5. Salmonella spp. <i>Salmonella spp.</i>	ISO 6579-1:2017/ Amd 1:2020	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1	-	cfu/25mL	
6. Staphylococcus aureus <i>Staphylococcus aureus</i>	US FDA BAM Chapter 12	<1	-	1	cfu/mL	
7. Vibrio parahaemolyticus <i>Vibrio parahaemolyticus</i>	NMKL No. 156 (1997)	<1	-	1	cfu/mL	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao ().*
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
*Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.
- LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ; except for metal analytes that are reported as Not Detected. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000468357

Page N° 3/4

the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả được thể hiện là Không phát hiện. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đồ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dây ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dây ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dây ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000468357

Page N° 4/4

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

Signed for and on behalf of

SGS Vietnam LTD

Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam



Phí Lê Kim Khôi

Trưởng Phòng Vi Sinh Và Sinh Học Phân Tử



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.